

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST
Ngày 02-3-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Đình Thành**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đỗ Văn Kha**, ông **Trịnh Văn Thành**.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Bà Châu Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: Số 35 HV, Quận HK, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Đ: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Mỹ H - Sinh năm: 1979 (Có mặt).

*** Bị đơn:**

Ông Phạm Trần Đình L - Sinh năm: 1978 (Vắng mặt).

Trú tại: Số 2182 Quốc lộ 14, ấp 6, xã TT, thị xã ĐX, tỉnh BP.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Hồng H - Sinh năm: 1974 (Vắng mặt).

Trú tại: Số 2182 Quốc lộ 14, ấp 6, xã TT, thị xã ĐX, tỉnh BP.

2. Công ty TNHH MTV.

Địa chỉ: Số 2182 Quốc lộ 14, ấp 6, xã TT, thị xã ĐX, tỉnh BP.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV: Bà Nguyễn Thị Hồng H - Sinh năm: 1974 (Vắng mặt).

Trú tại: Số 2182 Quốc lộ 14, ấp 6, xã TT, thị xã ĐX, tỉnh BP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản lời khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ H trình bày:

Ông Phạm Trần Đình L có vay của Ngân hàng TMCP Đ (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền là 950.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 01/2015/7693529/HĐTD ngày 29/7/2015, ông L vay số tiền là 450.000.000 đồng, mục đích vay để tiêu dùng, thời hạn vay là 11 tháng, lãi suất 12%/01 năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn và hợp đồng tín dụng số: 01/2016/7693529/HĐTD ngày 11/5/2016, ông L vay số tiền là 500.000.000 đồng, mục đích vay để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 13%/01 năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Để đảm bảo cho khoản vay này ông Phạm Trần Đình L và bà Nguyễn Thị Hồng H (vợ ông L) có thể chấp cho Ngân hàng các tài sản là:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AĐ 915811, số vào sổ: H 02760/QSĐĐ/1918/QĐUB do UBND thị xã Đồng Xoài cấp cho hộ bà Hà Thị L ngày 09/5/2006, đã chỉnh lý trang 4 sang tên ông Phạm Trần Đình L và bà Nguyễn Thị Hồng H vào ngày 18/7/2013 với diện tích 366m², thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp 6, xã Tân Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CC 820377, số vào sổ: 03646/ thị trấn Tân Phú do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng H ngày 05/5/2016, với diện tích 300,6m², thuộc thửa đất số 171, tờ bản đồ số 52, tọa lạc tại thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- 01 giấy chứng nhận xe máy chuyên dùng đối với xe biển số: 93LA-2660 chủ sở hữu là Công ty TNHH MTV.

Các tài sản thế chấp trên thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Trần Đình L, bà Nguyễn Thị Hồng H và Công ty TNHH MTV, đã làm hợp đồng thế chấp và có đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/7/2015 Ngân hàng đã giải ngân cho ông L số tiền là 450.000.000 đồng, ngày 11/5/2016 Ngân hàng tiếp tục giải ngân cho ông L số tiền là 500.000.000 đồng. Đối với khoản vay 450.000.000 đồng, ông L mới trả tiền lãi đến ngày 30/5/2016; đối với khoản vay 500.000.000 đồng, ông L mới trả tiền lãi đến ngày 20/6/2016. Đến hạn trả nợ lãi và nợ gốc ông L không trả tiền lãi và tiền nợ gốc cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu.

Do ông L vi phạm hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết nên bà H là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu ông Phạm Trần Đình L và bà Nguyễn Thị Hồng H phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền gồm:

- Tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là: 96.150.000 đồng; Tiền lãi quá hạn là 45.825.000 đồng; Tổng cộng là 591.975.000 đồng.

- Tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là: 113.208.334 đồng; Tiền lãi quá hạn là 7.989.583 đồng; Tổng cộng là 621.197.917 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 02 tháng 3 năm 2018 là 1.213.172.917 đồng (*Một tỷ hai trăm mười ba triệu một trăm bảy mươi hai ngàn chín trăm mười bảy đồng*).

Trường hợp ông L, bà H không trả tiền hoặc trả không đủ tiền cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài xử lý tài sản đã thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

** Bị đơn ông Phạm Trần Đình L, bà Nguyễn Thị Hồng H và Công ty TNHH MTV vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Đây là vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”, bị đơn là ông Phạm Trần Đình L trú tại ấp 6, xã Tân Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự:*

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông Phạm Trần Đình L và bà Nguyễn Thị Hồng H nhưng ông L và bà H vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[3] Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu ông L và bà H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc đã vay là 950.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Yêu cầu này được chứng minh bởi hợp đồng tín dụng số: 01/2015/7693529/HĐTD ngày 29/7/2015 và hợp đồng tín dụng số: 01/2016/7693529/HĐTD ngày 11/5/2016, giấy nhận nợ của ông L. Mặt khác ông L, bà H đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên ông L, bà H không có ý kiến phản hồi. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Theo hợp đồng tín dụng số: 01/2015/7693529/HĐTD ngày 29/7/2015, giữa nguyên đơn và bị đơn thì lãi suất vay là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Đối với khoản vay này ông L đã trả tiền lãi đến ngày 30 tháng 5 năm 2016, từ đó đến nay ông L không trả tiền lãi cho Ngân hàng.

Theo hợp đồng tín dụng số hợp đồng tín dụng số: 01/2016/7693529/HĐTD ngày 11/5/2016, giữa nguyên đơn và bị đơn thì lãi suất vay là 13%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Đối với khoản vay này ông L đã trả tiền lãi đến ngày 20 tháng 6 năm 2016, từ đó đến nay ông L không trả tiền lãi cho Ngân hàng. Do yêu cầu khởi kiện về việc trả nợ gốc được chấp nhận nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về lãi suất của Ngân hàng được quy định tại Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về Giao dịch bảo đảm; Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Thông tư số 14/TT-NHNN ngày 04/5/2012 của Ngân hàng Nhà nước quy định về mức lãi suất cho vay đối với các tổ chức tín dụng. Lãi suất cụ thể của 02 hợp đồng tín dụng được tính như sau:

- Tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là: 96.150.000 đồng; Tiền lãi quá hạn là 45.825.000 đồng; Tổng cộng là 591.975.000 đồng.

- Tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là: 113.208.334 đồng; Tiền lãi quá hạn là 7.989.583 đồng; Tổng cộng là 621.197.917 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 02 tháng 3 năm 2018 mà ông L, bà H phải trả cho Ngân hàng là 1.213.172.917 đồng (*Một tỷ hai trăm mười ba triệu một trăm bảy mươi hai ngàn chín trăm mười bảy đồng*).

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí. Ông Phạm Trần Đình L và bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 342; Điều 343; Điều 344; Điều 471; Điều 474; Điều 476 và Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Thông tư số 12/2010/TTNHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với ông Phạm Trần Đình L và bà Nguyễn Thị Hồng H.

2. Buộc ông Phạm Trần Đình L và bà Nguyễn Thị Hồng H có nghĩa vụ liên đới phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 02/3/2018 là 1.213.172.917 đồng (*Một tỷ hai trăm mười ba triệu một trăm bảy mươi hai ngàn chín trăm mười bảy đồng*).

Kể từ ngày 03/3/2018, ông Phạm Trần Đình L và bà Nguyễn Thị Hồng H còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất tại hợp đồng tín dụng số: 01/2015/7693529/HĐTD ngày 29/7/2015 và hợp đồng tín dụng số: 01/2016/7693529/HĐTD ngày 11/5/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp ông Phạm Trần Đình L và bà Nguyễn Thị Hồng H trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì Ngân hàng TMCP Đ phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Phạm Trần Đình L và bà Nguyễn Thị Hồng H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AĐ 915811, số vào sổ: H 02760/QSĐĐ/1918/QĐUB do UBND thị xã Đồng Xoài cấp cho hộ bà Hà Thị L ngày 09/5/2006, đã chỉnh lý trang 4 sang tên ông Phạm Trần Đình L và bà Nguyễn Thị Hồng H vào ngày 18/7/2013 với diện tích 366m², thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp 6, xã Tân Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CC 820377, số vào sổ: 03646/ thị trấn Tân Phú do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng H ngày 05/5/2016 với diện tích 300,6m², thuộc thửa đất số 171, tờ bản đồ số 52, tọa lạc tại thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; 01 giấy chứng nhận xe máy chuyên dùng đối với xe biển số: 93LA-2660 chủ sở hữu là Công ty TNHH MTV.

Trường hợp ông Phạm Trần Đình L và bà Nguyễn Thị Hồng H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AĐ 915811, số vào sổ: H 02760/QSĐĐ/1918/QĐUB do UBND thị xã Đồng Xoài cấp cho hộ bà Hà Thị L ngày 09/5/2006, đã chỉnh lý trang 4 sang tên ông Phạm Trần Đình L và bà Nguyễn Thị Hồng H vào ngày 18/7/2013 với diện tích 366m², thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp 6, xã Tân Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CC 820377, số vào sổ: 03646/ thị trấn Tân Phú do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng H ngày 05/5/2016 với diện tích 300,6m², thuộc thửa đất số 171, tờ bản đồ số 52, tọa lạc tại thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; 01 giấy chứng nhận xe máy chuyên dùng đối với xe biển số: 93LA-2660 chủ sở hữu là Công ty TNHH MTV để Ngân hàng TMCP Đ thu hồi nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Trần Đình L và bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 48.395.188 đồng (*Bốn tám triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn một trăm tám mươi tám đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng) theo Biên lai số 0002348, quyền số 000047 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngân hàng TMCP Đ có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Trần Đình L, bà Nguyễn Thị Hồng H và Công ty TNHH MTV vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước.
- VKSND TX Đồng Xoài;
- CC THA DS TX ĐX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CAO ĐÌNH THÀNH